

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Dũng;

Ông Nguyễn Thanh Cần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 130/2024/TLST-KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST- KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; địa chỉ: Số B L, phường T, Quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc S; địa chỉ: số B Đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH A; địa chỉ: T, tờ bản đồ số 17, tổ D, khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Đình P; có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Đình P; địa chỉ: 2 N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

- Bà Võ Thị Nguyệt D; địa chỉ: 2 N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt

- Ông Võ Đình T; địa chỉ: G Q, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt

- Bà Lương Thị Lệ C; địa chỉ: G Q, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 07/6/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn – ông Trần Ngọc S trình bày:

Ngân hàng N (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với Công ty TNHH A (Sau đây gọi tắt là Công ty A) ký kết Hợp đồng tín dụng số 5590-LAV-202101624 ngày 13/12/2021 với phương thức cho vay theo hạn mức. Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 10 tỷ đồng, thời hạn vay được ghi trên từng giấy nợ, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, đồng tiền cho vay là VNĐ và USD, phương thức trả: Gốc trả một lần khi đến hạn theo từng giấy nhận nợ, trả lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 28. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất đồ nội thất xuất khẩu năm 2021-2022. Tổng số tiền nhận nợ là 415,655.31 USD.

Để đảm bảo khoản vay, Ngân hàng và ông Nguyễn Đình P, bà Võ Thị Nguyệt D ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5590-LCL-202001400 ngày 14/8/2020 thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 34,5m² thuộc thửa 33, tờ bản đồ 35 địa chỉ thửa đất 128/15 Đ, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS00350 cho ông Nguyễn Đình P và bà Võ Thị Nguyệt D được công chứng tại Văn phòng C1 ngày 14/8/2020 số công chứng 009225 quyền số 08TP/CC-SCC/HĐGD và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận B ngày 17/8/2020, số đăng ký biến động 393433.TC.003. Đồng thời, Ngân hàng và ông Võ Đình T, bà Lương Thị Lệ C ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5590-LCL-202001541 ngày 11/9/2020 để thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 165,5m² thuộc thửa 150 tờ bản đồ 19; địa chỉ thửa đất: phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CT247496 cấp ngày 20/11/2019 số vào sổ cấp GCN CH13663 cho ông Võ Đình T và bà Lương Thị Lệ C được công chứng tại Văn phòng C2 ngày 11/9/2020 số công chứng 09077 quyền số 10TP/CC-SCC/HĐGD và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q chi nhánh Thành phố Q ngày 11/9/2020.

Tính đến ngày 06/6/2024 dư nợ Công ty A còn nợ là: Nợ gốc 402,155.00USD, Nợ lãi: Nợ lãi trong hạn là 19,134.56USD, nợ lãi quá hạn:

7.077.07USD. Tổng cộng nợ tính đến ngày 06/6/2024 là 427,871.77USD tương ứng 10.856.523.871 VND theo tỷ giá hối đoái tại thời điểm ngày 06/6/2024 (1USD = 25,344VND).

Ngày 26/12/2024, Công ty A đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 3.933 USD nên số tiền nợ gốc Công ty A còn nợ lại là 398.222 USD.

Ngân hàng nhiều lần yêu cầu Công ty A trả nợ vay nhưng Công ty A chưa trả. Do đó, Ngân hàng khởi kiện với yêu cầu sau đây:

- Yêu cầu Công ty TNHH A có nghĩa vụ trả nợ gốc 398.222 USD (Tương ứng 10.169.594.325 đồng theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm ngày 27/02/2025 (1USD = 25,537.5VND), nợ lãi trong hạn 28.828,1 USD (Tương ứng 736.197.603 đồng), nợ lãi quá hạn 11.942,01 USD (Tương ứng 304.658.301 đồng).

- Buộc Công ty TNHH A tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5590-LAV-202101624 ngày 13/12/2021 kể từ ngày tiếp theo Tào án ra bản án/quyết định cho đến ngày trả hết nợ gốc.

Trường hợp, Công ty TNHH A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 34,5m² thuộc thửa 33, tờ bản đồ 35 địa chỉ thửa đất 128/15 Đ, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS00350 cho ông Nguyễn Đình P và bà Võ Thị Nguyệt D.

- Quyền sử dụng đất diện tích 165,5m² thuộc thửa 150 tờ bản đồ 19; địa chỉ thửa đất: phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CT247496 cấp ngày 20/11/2019 số vào sổ cấp GCN CH13663 cho ông Võ Đình T và bà Lương Thị Lệ C.

Trường hợp, Công ty TNHH A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH A để thu hồi nợ.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH A là ông Nguyễn Đình P trình bày:

Công ty A thừa nhận còn nợ Ngân hàng nợ gốc 398.222 USD (Tương ứng 10.169.594.325 đồng theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm ngày 27/02/2025 (1USD = 25,537.5VND), nợ lãi trong hạn 28.828,1 USD (Tương ứng

736.197.603 đồng), nợ lãi quá hạn 11.942,01 USD (Tương ứng 304.658.301 đồng).

Công ty A đồng ý trả số tiền gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Đình P trình bày:

Ông P thừa nhận có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5590-LCL-202001400 ngày 14/8/2020 thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 34,5m² thuộc thửa 33, tờ bản đồ 35 địa chỉ thửa đất 128/15 Đ, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS00350 cho ông Nguyễn Đình P và bà Võ Thị Nguyệt D. Trường hợp Công ty A không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì ông P đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – vợ chồng bà Lương Thị Lệ C và ông Võ Đình T trình bày:

Công ty A vay tiền của Ngân hàng thì Công ty A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng. Vợ chồng ông T, bà C không vay và không có quyền lợi trong vụ án. Hiện tại Công ty A đang tích cực bán nhà xưởng để trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Võ Thị Nguyệt D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến về vụ án cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Việc vắng mặt của bà Võ Thị Nguyệt D, ông Võ Đình T và bà Lương Thị Lệ C: Các ông bà có tên nêu trên đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Về hình thức và nội dung Hợp đồng tín dụng số 5590-LAV-202101624 ngày 13/12/2021 và 19 Giấy nhận nợ phát sinh từ ngày 11/01/2022 đến ngày 29/11/2022 giữa Ngân hàng và Công ty A không trái quy định pháp luật, phù hợp Điều 463 Bộ luật Dân sự; Điều 23, khoản 1 Điều 30 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên phát sinh hiệu lực.

[3] Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất tỷ giá hối đoái là 1 USD = 25.537,50 VNĐ (Theo Thông báo tỷ giá mua, bán ngoại tệ ngày 27/02/2025 do Ngân hàng N – Chi nhánh K cung cấp).

[4] Hợp đồng tín dụng trên là loại hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi suất, có thế chấp tài sản bảo đảm. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A không thanh toán nợ gốc, lãi đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định trong hợp đồng tín dụng nêu trên và Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty A trả số tiền nợ gốc và lãi là phù hợp Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 398.222 USD (Tương ứng 10.169.594 đồng).

[5] Xét mức lãi suất, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và tiền lãi chậm trả được thỏa thuận trong 19 Giấy nhận nợ, xét thấy: Theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 13, 14 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 thì các tổ chức tín dụng được quyền thỏa thuận mức lãi suất cho vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và các loại phí liên quan đến hợp đồng tín dụng với bên vay. Do đó, việc thỏa thuận mức lãi suất cho vay, điều chỉnh lãi suất định kỳ tối thiểu 03 tháng/lần và lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng và 19 Giấy nhận nợ phát sinh từ ngày 11/01/2022 đến ngày 29/11/2022 là không trái quy định pháp luật. Xét việc tính lãi của nguyên đơn tính đến ngày 27/02/2025 đúng thỏa thuận hai bên đã ký. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ lãi: Nợ lãi trong hạn 28.828,1 USD (Tương ứng 736.197.603 đồng), nợ lãi quá hạn 11.942,01 USD (Tương ứng 304.658.301 đồng).

[6] Xét về yêu cầu phát mãi: Tài sản đảm bảo Hợp đồng tín dụng là quyền sử dụng đất diện tích 34,5m² thuộc thửa 33, tờ bản đồ 35 tại phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và quyền sử dụng đất diện tích 165,5m² thuộc thửa 150 tờ bản đồ 19 tại phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do ông Nguyễn Đình P, bà Võ Thị Nguyệt D, ông Võ Đình T và bà Lương Thị Lệ C đứng ra thế chấp cho khoản vay trên. Các tài sản trên được các bên ký hợp đồng thế chấp tài sản và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định tại Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về

đăng ký giao dịch bảo đảm và Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nên phát sinh hiệu lực. Do đó, trường hợp Công ty A không thanh toán số nợ trên hoặc thanh toán không hết số nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

[7] Về chi phí tố tụng: Công ty A phải chịu theo quy định. Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền 11.500.000 đồng nên buộc Công ty A có trách nhiệm trả lại số tiền trên cho Ngân hàng.

[8] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 95, 147, 180, 227, 228, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các Điều 13, 14, 21, 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Thông tư 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2016/TT-NHNN 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc Công ty TNHH A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc 10.169.594.325 (Mười tỷ, một trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm hai mươi lăm) đồng, nợ lãi trong hạn 736.197.603 (Bảy trăm ba mươi sáu triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm lẻ ba) đồng, nợ lãi quá hạn 304.969.080 (Ba trăm lẻ bốn triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm tám mươi) đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5590-LAV-202101624 ngày 13/12/2021. Tổng cộng số tiền Công ty TNHH A phải trả có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N là 11.210.761.009 (Mười một tỷ, hai trăm mười triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn, không trăm lẻ chín) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 27/02/2025, tiền lãi được tiếp tục tính trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số

5590-LAV-202101624 ngày 13/12/2021 cho đến khi Công ty TNHH A trả hết nợ.

Sau khi Công ty TNHH A trả hết số nợ trên, Ngân hàng N, ông Nguyễn Đình P, bà Võ Thị Nguyệt D, ông Võ Đình T, bà Lương Thị Lệ C có trách nhiệm thực hiện thủ tục xóa đăng ký giao dịch bảo đảm tài sản. Ngân hàng N trả lại cho ông Nguyễn Đình P, bà Võ Thị Nguyệt D, ông Võ Đình T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS00350 ngày 07/12/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp cho ông Nguyễn Đình P và bà Võ Thị Nguyệt D và trả lại cho ông Võ Đình T và bà Lương Thị Lệ C bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CT247496 cấp ngày 20/11/2019 số vào sổ cấp GCN CH13663 do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp cho ông Võ Đình T và bà Lương Thị Lệ C.

Trường hợp, Công ty TNHH A không trả hoặc trả không hết số nợ trên theo Hợp đồng tín dụng số 5590-LAV-202101624 ngày 13/12/2021 thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi hai thửa đất thế chấp sau để trả nợ cho Ngân hàng, gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 34,5m² thuộc thửa 33, tờ bản đồ 35 tại phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS00350 ngày 07/12/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp cho ông Nguyễn Đình P và bà Võ Thị Nguyệt D.

- Quyền sử dụng đất diện tích 165,5m² thuộc thửa 150 tờ bản đồ 19 tại phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CT247496 cấp ngày 20/11/2019 số vào sổ cấp GCN CH13663 cho ông Võ Đình T và bà Lương Thị Lệ C.

- Tài sản gắn liền trên thửa đất thế chấp thuộc thửa 33, tờ bản đồ 35 tại phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là căn nhà 4 tầng tường gạch xây tô, nền gạch men, sàn giả bê tông, mái tole và tài sản gắn liền trên thửa đất thế chấp thuộc thửa 150 tờ bản đồ 19 tại phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là căn nhà được xây dựng không cùng thời điểm có kết cấu không gắn liền nhau có kết cấu trụ, dầm bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch men, mái tole đóng la phong.

Trong trường hợp phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ thu hồi nợ, Công ty TNHH A phải tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết nợ.

2. Về chi phí tổ tụng: Công ty TNHH A phải nộp số tiền 11.500.000 (Mười một triệu, năm trăm nghìn) đồng để trả lại cho Ngân hàng N.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH A phải chịu án phí sơ thẩm là 256.215.220 (Hai trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm mười lăm nghìn, hai trăm hai mươi) đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 59.428.262 (Năm mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm sáu mươi hai) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000164 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tp. Tân Uyên;
- Chi cục THADS tp. Tân Uyên (để thi hành án);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Trúc